

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH VỀ KHOA HỌC, CÔNG
NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030, TỈNH HƯNG YÊN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2028	Kết quả đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1.	Đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế	%	> 50	> 55	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
2.	Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu	%	> 45	≥ 50	Sở Công Thương	Các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
3.	Tổng đầu tư xã hội cho nghiên cứu và phát triển	% GRDP	> 2	≥ 3	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
4.	Tỉ lệ nguồn ngoài ngân sách nhà nước trên tổng đầu tư xã hội cho nghiên cứu và phát triển	%	60	> 60	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
5.	Chi ngân sách nhà nước và đầu tư toàn xã hội cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	%		Có từ 3% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ưu tiên tăng dần theo yêu cầu phát triển; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 3% GRDP	Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
6.	Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian)	Người/vạn dân	≥ 11	12	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, đơn vị, xã, phường

7.	Tỷ lệ lực lượng lao động trí thức trong các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chiến lược	%	≥ 20	25	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
8.	Số tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc tỉnh	Tổ chức	4	≥ 6	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
9.	Số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo bình quân/năm	Doanh nghiệp		100	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
10.	Số sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa bình quân/năm	Sản phẩm		60	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
11.	Số lượng đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng bình quân	%/năm	18	16 - 18	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
12.	Tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại trên tổng số văn bằng bảo hộ được cấp	%	8	8 - 10	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
13.	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	Thứ bậc		Top 10 cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
14.	Số trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm được hình thành	Trung tâm, vườn ươm		02	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
15.	Số trung tâm dữ liệu của tỉnh	Trung tâm		1	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
16.	Số dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh bình quân năm	Dự án		$\geq 3-5$	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
17.	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu với viện, trường bình quân năm	%		15	Sở Khoa học và Công nghệ	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
18.	Công trình đạt giải thưởng quốc gia, khu vực mỗi năm	Công trình		01	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
19.	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường vào sản xuất, kinh doanh	%		25	Sở Khoa học và Công nghệ	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
20.	Số doanh nghiệp khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh	Doanh nghiệp		17	Sở Khoa học và Công nghệ	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
21.	Tỷ lệ doanh nghiệp có	%		30	Sở Khoa học	Sở Tài chính, các sở,

	hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh				và Công nghệ	ngành, đơn vị, xã, phường
22.	Số doanh nghiệp công nghệ quy mô khu vực trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược	Doanh nghiệp	3 - 5	5 - 10	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
23.	Vị trí của tỉnh về xếp hạng ứng dụng chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Thứ bậc		Nhóm 10 tỉnh dẫn đầu	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
24.	Tỷ lệ kết quả nghiên cứu từ viện, trường được thương mại hóa	%	25	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
25.	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp	%	30	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, đơn vị, xã, phường
26.	Số lượng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh đề xuất	Nhiệm vụ/cơ quan, đơn vị, địa phương	≥ 02	≥ 03	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị, xã, phường

PHỤ LỤC II
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC, GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Ngành/Lĩnh vực	Định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Ghi chú
I	<i>Lĩnh vực kỹ thuật – công nghệ</i>		
1.1	<i>Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp</i>	Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ cao, công nghệ xanh, công nghệ sạch, tái sử dụng năng lượng, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường; công nghiệp bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm; công nghiệp cơ khí, điện tử, tự động hóa, công nghiệp phụ trợ; công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.	
		Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các công nghệ số tiên tiến trên nền tảng hạ tầng viễn thông thế hệ mới (5G/6G), tập trung vào các lĩnh vực: công nghiệp số, nhà máy thông minh, logistics thông minh, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây, hệ thống cảm biến và camera thông minh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sản xuất và vận hành trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh; ...	
1.2	<i>Ngành xây dựng, giao thông</i>	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đổi mới và cải tiến công nghệ, đầu tư các dây chuyền, máy móc hiện đại, tự động hóa để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trong phát triển, sản xuất các vật liệu có tính năng mới như vật liệu không nung, kính, sơn, cát nhân tạo... lựa chọn công nghệ thích hợp cho thi công xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng trên cơ sở lợi thế của Hưng Yên.	
		Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển vật liệu xây dựng xanh và thông minh giảm phát thải khí nhà kính, giảm tiêu hao năng lượng tự nhiên: vật liệu xây dựng thân thiện môi trường; vật liệu tái chế từ chất thải công nghiệp; vật liệu xây dựng không nung, bê tông tính năng siêu cao (UHPC); vật liệu hấp thụ CO ₂ ; vật liệu cách nhiệt, tiết kiệm năng lượng; vật liệu có khả năng tự phục hồi; ...	
		Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các nền tảng chuyển đổi số, GIS, AI, IoT, dữ liệu lớn (Big Data), Digital Twin và trung tâm điều hành thông minh trong quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị, giao thông, cấp thoát nước, môi trường và năng lượng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và vận hành đô thị theo hướng thông minh, hiện đại và bền vững,	
		Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển hệ thống logistics và giao thông thông minh; xây dựng hạ tầng vận tải tích hợp, đồng bộ và hiện đại kết nối giữa	

TT	Ngành/Lĩnh vực	Định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Ghi chú
		Hưng Yên với các trung tâm kinh tế, cảng biển và vùng công nghiệp trọng điểm nhằm nâng cao hiệu quả lưu thông hàng hóa, giảm chi phí logistics, bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.	
II	Lĩnh vực nông nghiệp và môi trường		
2.1	Lĩnh vực nông nghiệp		
a)	Trong trồng trọt và bảo vệ thực vật và chế biến nông sản	Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo chuỗi giá trị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp an toàn theo hướng hữu cơ; gắn kết phát triển nông nghiệp hữu cơ với phát triển du lịch (sinh thái) trong chuỗi du lịch của tỉnh và vùng.	
		Nghiên cứu bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen các cây trồng, vật nuôi đặc sản của tỉnh, gắn với phát triển du lịch nông nghiệp; nghiên cứu, chọn tạo, khảo nghiệm, phục tráng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh tốt, phù hợp với điều kiện sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu bổ sung vào cơ cấu giống.	
		Nghiên cứu, chọn tạo, phát triển giống lúa chất lượng cao có khả năng xuất khẩu ra thị trường quốc tế; chọn tạo giống ngô phục vụ cho chế biến sâu (sản xuất sữa ngô và các sản phẩm từ ngô,...); Phát triển vùng sản xuất rau an toàn, chất lượng phục vụ thị trường trong tỉnh và các vùng lân cận.	
		Nghiên cứu, ứng dụng hệ thống giám sát sinh trưởng tự động và cảnh báo sớm dịch bệnh sử dụng Trí tuệ nhân tạo (AI): Tập trung xây dựng các mô hình học sâu (Deep Learning) và thị giác máy tính để nhận diện, phân loại và dự báo mức độ lây lan của sâu bệnh trên các cây trồng chủ lực của địa phương (nhãn, vải, cây có múi, hoa cây cảnh). Phát triển các hệ thống giám sát chỉ số sinh trưởng (lá, quả, thân) theo thời gian thực, giúp tối ưu hóa quy trình bón phân và chăm sóc cá thể hóa cho từng vùng trồng.	
		Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ xây dựng các trạm quan trắc thông minh: Kiểm soát chất lượng nước tưới thời gian thực, đảm bảo tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp hữu cơ và VietGAP; phát triển mô hình canh tác chính xác: Sử dụng thiết bị IoT và Edge AI để tự động hóa quy trình chăm sóc trong nhà màng, nhà lưới.	
		Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ xây dựng hệ sinh thái dữ liệu số nông nghiệp tích hợp: Chuẩn hóa và kết nối các dữ liệu từ hệ thống giám sát sinh trưởng, bệnh hại và môi trường vào trục dữ liệu chung của tỉnh. Ứng dụng các công nghệ phân tích dữ liệu lớn (Big Data) để đưa ra	

TT	Ngành/Lĩnh vực	Định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Ghi chú
		các kịch bản khuyến nông chính xác, hỗ trợ người nông dân và doanh nghiệp ra quyết định sản xuất dựa trên bằng chứng khoa học và dữ liệu thực tế.	
		Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ chế biến sâu nông sản sau thu hoạch, đa dạng hóa sản phẩm từ nông sản địa phương nhằm nâng cao giá trị sản phẩm nông sản đặc trưng của tỉnh Hưng Yên: nhãn, vải, cam, chuối và các loại nông sản khác ...	
		Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ bảo tồn, khai thác tiềm năng, lợi thế vùng ven biển phục vụ phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ tài nguyên môi trường.	
b)	Chăn nuôi thú y và nuôi trồng thủy sản	Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ bảo tồn, phát triển đa dạng hóa các sản phẩm từ các giống vật nuôi đặc sản địa phương: thủy sản vùng ven biển; gà Đông Tảo, gà Tò, ...	
		Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học hiện đại, thông minh, phát thải thấp; kiểm soát tốt dịch bệnh và môi trường, tăng cường tái sử dụng, tái chế và thu hồi tài nguyên từ chất thải chăn nuôi theo hướng kinh tế tuần hoàn, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển bền vững ngành chăn nuôi.	
		Nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ và phát triển các công nghệ tiên tiến trong chọn tạo chủng, tạo kháng nguyên, sản xuất thử nghiệm và hoàn thiện quy trình công nghệ phục vụ phát triển vắc xin và chế phẩm sinh học dùng trong thú y giúp phòng bệnh kịp thời cho vật nuôi; ứng dụng công nghệ sinh học trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.	
2.2	Lĩnh vực môi trường	Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, công nghệ sinh học trong xử lý chất thải, rác thải, nước thải và kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, làng nghề, đô thị và khu dân cư nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp xanh và kinh tế tuần hoàn.	
		Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, chuẩn hóa hệ thống thông tin về tài nguyên và môi trường, quản lý đất đai; công nghệ tiên tiến phục vụ hoạt động quan trắc, thu thập, xử lý, quản lý các dữ liệu tài nguyên và môi trường; ngăn chặn và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, môi trường nước trong các vùng nuôi trồng và chế biến thủy sản; môi trường khu công nghiệp, cụm công nghiệp; xử lý rác thải, phụ phẩm trong nông nghiệp, ô nhiễm môi trường trong khu dân cư...; Ứng dụng công nghệ giám sát môi trường xả thải ngầm trực tuyến.	
		Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong dự báo đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu, hậu quả của các hiện tượng thời tiết cực đoan (lũ lụt, hạn hán, nhiệt độ bất thường...) đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời xác định các giải pháp ứng phó có hiệu quả;	
		Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ xây dựng hệ thống quan trắc, kiểm kê và giám sát phát	

TT	Ngành/Lĩnh vực	Định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Ghi chú
		thải khí nhà kính phục vụ quản lý môi trường, tính toán tín chỉ carbon và phát triển thị trường carbon tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, vùng sản xuất nông nghiệp và khu vực đô thị; ưu tiên ứng dụng AI, IoT, cảm biến, viễn thám và cơ sở dữ liệu carbon để theo dõi phát thải, hấp thụ carbon và hỗ trợ ra quyết định quản lý.	
III	Lĩnh vực Y dược		
3.1	<i>Lĩnh vực Y học</i>	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại trong y học để chẩn đoán, điều trị bệnh, nâng cao sức khỏe nhân dân;	
		Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến hiện đại trong nghiên cứu, sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng và sinh phẩm y tế đáp ứng nhu cầu phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ chăm sóc khỏe cho Nhân dân; trong đó ưu tiên một số lĩnh vực như: chăm sóc, điều trị bệnh cho trẻ em trước và sau sinh; chương trình tầm soát, chẩn đoán và hỗ trợ các trường hợp hiếm muộn; ứng dụng tế bào gốc trong điều trị ung thư; Ứng dụng khoa học trong kỹ thuật ghép tạng; kỹ thuật can thiệp tối thiểu (phẫu thuật nội soi tiên tiến, nội soi 1 lỗ và qua các lỗ tự nhiên, can thiệp mạch (mạch vành, mạch não) trong điều trị cấp cứu đột quỵ, nhồi máu cơ tim,	
		Nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác khám chữa bệnh; phát triển mô hình Telehealth và Bệnh viện thông minh;	
3.2	<i>Lĩnh vực Dược</i>	Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ phát triển vùng trồng các loại dược liệu chất lượng cao tại tỉnh Hưng Yên (hoa hòe, rau má, ngưu tất, dây thìa canh lá to, nghệ đỏ, tía tô, đinh lăng và cúc chi,) đạt GACP-WHO và theo hướng hữu cơ phục vụ thị trường trong và ngoài nước.	
		Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ phát triển mô hình liên kết chuỗi trong sản xuất dược liệu; đa dạng hóa sản phẩm từ dược liệu nhằm nâng cao khai thác giá trị kinh tế của dược liệu trồng tại Hưng Yên; phát triển tối thiểu 05 sản phẩm từ dược liệu có tác dụng điều trị bệnh mạn tính, gồm: rối loạn chuyển hóa, thiếu năng tuần hoàn não, chống thoái hóa thần kinh, chống loãng xương và viêm loét đường tiêu hóa bởi ứng dụng công nghệ xanh tiên tiến như công nghệ sinh chuyển hóa, công nghệ nano....	
IV	Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn	Nghiên cứu đổi mới, hoàn thiện và nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị của tỉnh trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đề xuất mô hình quản trị, cơ chế, chính sách và giải pháp phát triển các mô hình kinh doanh mới, kinh tế đêm, kinh tế bạc, kinh tế biển, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh	
		Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ số hóa tài nguyên du lịch, di sản văn hóa, di tích lịch sử, lễ	

TT	Ngành/Lĩnh vực	Định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Ghi chú
		hội, làng nghề và các sản phẩm đặc trưng của địa phương nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu du lịch thông minh, nâng cao khả năng kết nối, quảng bá và trải nghiệm du lịch trên môi trường số; thúc đẩy phát triển các nền tảng du lịch số, du lịch trực tuyến và hệ sinh thái dịch vụ du lịch thông minh.	
		Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Hưng Yên gắn với phát triển du lịch thông minh trong bối cảnh mới; phát triển văn hóa gắn với du lịch trải nghiệm đặc biệt tận dụng lợi thế tự nhiên vùng ven biển (tour du lịch gắn rừng ngập mặn, biển vô cực,... kết hợp thăm quan các di tích lịch sử của địa phương).	
		Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển các khu công nghiệp sinh thái và logistics thông minh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (Xây dựng mô hình khu công nghiệp sinh thái gắn logistics thông minh, hiện đại, giảm phát thải trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.)	
		Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng hệ thống dự báo và hỗ trợ ra quyết định phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên dựa trên dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo	
		Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ triển khai thí điểm các chương trình đào tạo tiên tiến, mô hình liên kết đào tạo; dịch vụ giáo dục và đào tạo; ứng dụng và phát triển các nền tảng giáo dục số, học liệu số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR) và hệ thống quản trị giáo dục thông minh nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, đổi mới phương pháp giáo dục.	
		Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển các mô hình du lịch gắn với văn hóa, nông nghiệp sinh thái, làng nghề truyền thống, vùng ven biển Hưng Yên và các sản phẩm OCOP; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc, quản lý điểm đến, phân tích hành vi du khách và hỗ trợ hoạch định chính sách phát triển du lịch bền vững.	
V	Lĩnh vực an ninh, quốc phòng	Nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh; giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề về an ninh, trật tự an toàn xã hội; phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm truyền thống và phi truyền thống; đảm bảo an toàn giao thông, an ninh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai; giải pháp tăng cường an ninh mạng.	
		Nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây trong quản lý, chỉ huy, điều hành; Nghiên cứu Hạ tầng dữ liệu tin cậy cho cảnh báo sớm rủi ro an ninh phi truyền thống tại tỉnh Hưng Yên.	
		Nghiên cứu giải pháp phòng, chống tấn công mạng đối với hệ thống thông tin trọng yếu; công nghệ phát hiện, cảnh báo sớm và ứng phó sự cố an ninh mạng; bảo vệ dữ liệu, bảo đảm chủ quyền số.	
		Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ phục vụ phòng ngừa và ứng phó các thách thức an ninh phi truyền thống: biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh; an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng, an ninh lương	

TT	Ngành/Lĩnh vực	Định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Ghi chú
		thực; an ninh môi trường và ứng phó sự cố hóa chất, bức xạ; công nghệ hỗ trợ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.	
		Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ phục vụ quản lý biên giới, ven biển và vùng trọng điểm: công nghệ viễn thám, GIS; thiết bị bay không người lái (UAV); công nghệ vệ tinh; hệ thống giám sát biên, vùng ven biển; quan trắc và cảnh báo sớm, bảo đảm an ninh kinh tế biển tỉnh Hưng Yên trong tình hình mới.	

PHỤ LỤC III

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỔNG THỂ GIAI ĐOẠN 2026-2030, TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I.	Hoàn thiện thể chế chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo				
1.	Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách đã phát huy hiệu quả trong khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Thường xuyên rà soát, kịp thời cập nhật các quy định, cơ chế, chính sách mới của Nhà nước và điều kiện thực tế địa phương để sửa đổi, bổ sung các quy định, cơ chế, chính sách của tỉnh cho phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định	Thường xuyên
2.	Hoàn thành số hóa và chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cắt giảm tối đa thủ tục hành chính	Tháng 12/2026
3.	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Thường xuyên
4.	Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo phương châm “nguồn lực ngân sách nhà nước là nền tảng để thúc đẩy, nguồn lực khu vực tư nhân và	Sở Tài chính, các địa phương	Các sở, ban, ngành, đơn vị	Có nhiều nhà đầu tư,	Thường xuyên

	doanh nghiệp là chính”. Xem xét, ưu tiên các doanh nghiệp công nghệ lớn trong và ngoài nước đặt trụ sở tại địa phương	thuộc tỉnh	vị, địa phương	doanh nghiệp lớn đặt trụ sở	
5.	Bổ trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này. Tăng dần tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Ngân sách chỉ cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ ưu tiên thực hiện theo cơ chế quỹ, thông qua quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Đáp ứng nhu cầu kinh phí cho phát triển	Thường xuyên
6.	Khuyến khích mạnh mẽ khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tiếp thu và làm chủ công nghệ, ứng dụng, đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tỉnh	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định	Thường xuyên
7.	Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu, thu hút FDI từ các đối tác thuộc các nước phát triển; ưu tiên thu hút các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, mang lại giá trị gia tăng cao	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Số lượng doanh nghiệp lớn đầu tư tăng	Thường xuyên
8.	Nghiên cứu cơ chế, chính sách vượt trội, cơ chế áp dụng luồng xanh, áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt để hỗ trợ hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, thiết bị thông minh trong tỉnh để phát triển hạ tầng số, dẫn dắt chuyển đổi số và đủ năng lực cạnh tranh quốc tế; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số ở tỉnh Hưng Yên; cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định	Thường xuyên
9.	Kịp thời rà soát, sửa đổi, thay thế hoặc ban hành mới cơ chế, chính sách khi Trung ương có hướng dẫn và quy định mới để đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định	Khi Trung ương có quy định mới
10.	Đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp an ninh mạng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, đơn vị liên quan	Kế hoạch được ban hành	Thường xuyên
11.	Tham mưu xây dựng Đề án thành lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành, đơn vị,	Đề án được phê duyệt	Trong năm 2026

			địa phương		
12.	Tham mưu sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 745/2025/NQ-HĐND, ngày 10/9/2025 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định	Trước tháng 12/2026
13.	Xây dựng cơ chế, chính sách vượt trội để hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, phát triển các phòng thí nghiệm, tổ chức khoa học và công nghệ lĩnh vực Y tế, công nghiệp Dược	Sở Y tế	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định	Thường xuyên
14.	Xây dựng cơ chế, chính sách vượt trội để hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, phát triển các phòng thí nghiệm, tổ chức khoa học và công nghệ lĩnh vực giống, thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định	Thường xuyên
15.	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tập trung cho một số ngành nghề mũi nhọn của tỉnh và lĩnh vực trọng điểm mà tỉnh có lợi thế, định hướng, ưu tiên phát triển như: Công nghiệp dệt may, điện, điện tử, năng lượng, công nghiệp phụ trợ, y tế, công nghiệp Dược, vật liệu xây dựng, giống cây trồng, thủy sản, sản phẩm làng nghề truyền thống...	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương; các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định	Thường xuyên
17.	Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, người sản xuất tham gia phát triển thương hiệu gạo của tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định	Thường xuyên
18.	Xây dựng cơ chế, chính sách để ưu tiên ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, y học thể thao, các trang thiết bị hiện đại trong huấn luyện chuyên sâu cho lực lượng vận động viên thể thao thành tích cao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định	Thường xuyên
19.	Xây dựng cơ chế, chính sách tăng cường hợp tác giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa trong giáo dục nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở	Các sở, ban, ngành, đơn vị,	Nghị quyết, Kế hoạch,	Thường xuyên

	nghiệp	Nội vụ	địa phương	Quyết định	
II. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo					
20.	Vận hành Khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao tỉnh Hưng Yên	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Khu thực nghiệm đi vào hoạt động	Tháng 12/2026
21.	Xây dựng Khu nghiên cứu, sản xuất thực nghiệm ứng dụng công nghệ cao	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Khu nghiên cứu, sản xuất thực nghiệm ứng dụng công nghệ cao đi vào hoạt động	Giai đoạn 2026-2030
22.	Xây dựng Khu Công nghệ cao tỉnh Hưng Yên	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Khu Công nghệ cao đi vào hoạt động	Giai đoạn 2026-2030
23.	Thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư xây dựng các nhà máy trên địa bàn tỉnh sản xuất các sản phẩm thuộc ngành kinh tế số lõi (sản phẩm điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, linh kiện điện tử, bán dẫn...).	Sở Công Thương; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh HY	Sở Khoa học và Công nghệ	Số lượng nhà đầu tư tăng lên	Thường xuyên
24.	Chú trọng phát triển hạ tầng năng lượng hiện đại, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	An ninh năng lượng được đảm bảo	Thường xuyên
25.	Đầu tư nâng cao năng lực của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập và ngoài công lập; nâng cao năng lực hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, đo lường, thử nghiệm, thí nghiệm phục vụ phát triển công nghệ và công nghiệp có thể mạnh của tỉnh, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ. Tập trung hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm,	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Số lượng trung tâm, phòng thí nghiệm	Thường xuyên

	trung tâm nghiên cứu, thực nghiệm và phát triển khoa học, công nghệ			tăng lên	
III Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, tạo đột phá trong các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh					
26.	Tập trung xây dựng công nghiệp toàn diện, bắt kịp xu thế phát triển mới về công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, đô thị và kinh tế biển, trở thành trọng điểm, động lực phát triển, tạo năng lực cạnh tranh cho tỉnh; là trung tâm công nghiệp năng lượng, phụ trợ, chế biến, chế tạo ô tô, sản phẩm điện tử... công nghệ cao của khu vực và phát triển một số không gian kinh tế xanh, giảm phát thải, zero carbon. Mở rộng không gian biển, kinh tế biển theo quy hoạch không gian biển quốc gia	Sở Công Thương, Ban Quản lý khu kinh tế và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Tăng tỷ trọng đóng góp của các lĩnh vực trong GRDP	Thường xuyên
27.	Xây dựng đề án, chương trình chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển dịch vụ y tế, công nghiệp dược phẩm. Phấn đấu đưa Hưng Yên trở thành trung tâm phát triển dịch vụ y tế, công nghiệp dược của Vùng đồng bằng Sông Hồng	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Đề án, chương trình được phê duyệt	Tháng 12/2026
28.	Phát triển các loại hình dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe; xây dựng các khu nghỉ dưỡng kết hợp du lịch, trung tâm dưỡng lão	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Số lượng, chất lượng dịch vụ tăng lên	Thường xuyên
29.	Triển khai Quy hoạch phát triển Khu công nghiệp giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045; trong đó bảo đảm sự gắn kết đồng bộ với phát triển hạ tầng phục vụ cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đảm bảo toàn diện, bắt kịp xu thế phát triển mới về công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, đô thị và kinh tế biển, trở thành trọng điểm, động lực phát triển, tạo năng lực cạnh tranh cho tỉnh.	Ban Quản lý khu kinh tế và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Quy hoạch được triển khai đạt mục tiêu	Thường xuyên
30.	Triển khai chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ	Triển khai thực hiện theo Chương trình đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 443/QĐ-UBND	Thường xuyên

31.	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các bài toán được công bố trên cổng thông tin điện tử của tỉnh	Hằng năm
32.	Công bố danh mục các công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia giải quyết.	Các sở, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các công nghệ được công bố trên cổng thông tin điện tử của tỉnh	Hằng năm
IV Đẩy mạnh hợp tác liên kết vùng, quốc tế					
33.	Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp, trường đại học, cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng đội ngũ chuyên gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các hoạt động hợp tác	Thường xuyên
34.	Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi nhà đầu tư, doanh nghiệp công nghệ có thương hiệu đầu tư vào tỉnh; gắn kết hợp tác quốc tế về kinh tế với hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ.	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương	Các hoạt động hợp tác	Thường xuyên